

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42/2024/DS-ST**
Ngày: 22 - 5 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh T** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 173/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; địa chỉ trụ sở: **Số B - B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ chi nhánh B: Số D, đường Đ, Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.**

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lê Quốc H**, sinh năm 1982; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ, là người đại diện theo ủy quyền của **Ngân hàng TMCP S** (theo giấy ủy quyền số 16/2023/UQ-CNBD ngày 20/02/2024 của giám đốc **Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B**), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị H1**, sinh năm 1985; địa chỉ: **Số D đường C, Khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2024 (nộp tại Tòa án ngày 23/02/2024) và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông **Lê Quốc H trình bày:**

Ngày 21/6/2022, Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh B và bà Trần Thị H1 đã ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng. Theo nội dung hợp đồng, bà H1 vay của Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh B số tiền 50.000.000đ; mục đích vay tiêu dùng; khi vay bà H1 không thể chấp tài sản gì cho ngân hàng.

Đến ngày 15/10/2022 cho đến nay, bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ với ngân hàng dẫn đến nợ quá hạn. Dù đã được ngân hàng D rất nhiều lần nhưng phía bà H1 vẫn không thực hiện nên Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu buộc bà Trần Thị H1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 20/5/2024 là 66.373.717 đồng, trong đó: Nợ gốc 48.259.875 đồng, lãi quá hạn 18.113.482 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/6/2022. Ngoài ra, bà Trần Thị H1 còn phải chịu toàn bộ các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 23/5/2024 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/6/2022 mà hai bên đã ký kết.

- Bị đơn bà Trần Thị H1: Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng gồm thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng.

- Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn bà Trần Thị H1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

[1.2] Về việc tham gia của đương sự tại phiên tòa: Đại diện nguyên đơn ông Lê Quốc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Trần Thị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn ông H và bị đơn bà Trần Thị H1 theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng ngày 21/6/2022 thì Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh B

đồng ý cho bà **H1** vay với hạn mức tín dụng là 50.000.000đồng. Việc các bên thực hiện giao dịch theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng ngày 21/6/2022 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà **H1** thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng được một thời gian ngắn, đến ngày 15/10/2022 thì đã vi phạm nghĩa vụ với ngân hàng. Theo như bảng sao kê tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 22/5/2024 mà ngân hàng đã cung cấp thì số tiền bà **H1** đang còn nợ số tiền 66.373.717 đồng, trong đó: Nợ gốc 48.259.875đồng, lãi quá hạn 18.113.482 đồng. Do bà **H1** vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán là hoàn toàn phù hợp.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà **H1** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 95, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ các điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên **Ngân hàng TMCP S** đối với bị đơn bà **Trần Thị H1** về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Buộc bà **Trần Thị H1** có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng TMCP S** tính đến ngày 23/5/2024 với tổng số tiền 66.373.717 đồng (Sáu mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm mười bảy đồng), trong đó: Nợ gốc 48.259.875đồng (Bốn mươi tám triệu hai trăm năm mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng), lãi quá hạn 18.113.482 đồng (Mười tám triệu một trăm mười ba nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/6/2022.

Kể từ ngày 23/5/2024 đến khi thi hành án xong, bà **Trần Thị H1** còn phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng ngày 21/6/2022 mà hai bên đã ký kết.

2. Về án phí sơ thẩm:

+ Bà **Trần Thị H1** phải chịu số tiền 3.318.000đ (Ba triệu ba trăm mười tám nghìn đồng).

+ Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền 1.540.000đ (Một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu số 0004324 ngày 08/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục thi hành án dân sự TP TDM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Hằng